



DOI:10.22144/ctu.jvn.2019.040

Ý NGHĨA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG QUA NỘI DUNG HOÀNH PHI, CÂU ĐỐI TẠI CÁC DI TÍCH CỔ THUỘC TỈNH AN GIANG

Nguyễn Kim Châu

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Kim Châu (email: nkchau@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 13/09/2018

Ngày nhận bài sửa: 20/10/2018

Ngày duyệt đăng: 25/04/2019

Title:

Moral values through horizontal lacquered boards and antithetical couplets in historical relics of An Giang province

Từ khóa:

Câu đối, di tích cổ, hoành phi

Keywords:

Antithetical couplet, historical relics, lacquered board

ABSTRACT

An Giang, a province in Mekong Delta which has a unique history and occupies a special geographic position, is an area where historical relics are still preserved. In these relics still exist a wide range of horizontal lacquered boards, antithetical couplets, epitaphs, ancestral tablets, etc. written in Chinese or Nom script, which are exceptionally diverse. It is very necessary to pay more attention to them and their values. This paper is aimed to figure out the moral values transmitted through horizontal lacquered boards and antithetical couplets in antique constructions and worship places of An Giang province, which are among the various buildup factors of the diverse values of these heritages.

TÓM TẮT

Với vị trí địa lý và hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, An Giang là một trong những tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long còn bảo tồn được nhiều di tích cổ và gắn liền với các di tích đó là một kho tàng hoành phi, câu đối, văn bia, bài vị, liễn thờ, sách vở... viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm hết sức phong phú, rất cần được quan tâm khai thác các giá trị. Bài viết xác định mục đích tìm hiểu một trong những yếu tố góp phần làm nên giá trị của di sản này, đó là ý nghĩa giáo dục đạo đức, lối sống thể hiện qua nội dung của hoành phi, câu đối được sưu tầm tại các nhà cổ và các cơ sở thờ tự thuộc tỉnh An Giang.

Trích dẫn: Nguyễn Kim Châu, 2019. Ý nghĩa giáo dục đạo đức lối sống qua nội dung hoành phi, câu đối tại các di tích cổ thuộc tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(2C): 72-77.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử mở đất phương Nam, An Giang là nơi được chính quyền phong kiến triều Nguyễn chú ý khai thác khá muộn. Phải đợi đến 1813, Gia Long mới bắt đầu quan tâm đến vị trí quan trọng của “Châu Đốc tân cương” và bắt đầu triển khai công cuộc di dân khai khẩn, xây dựng nơi đây thành một tiền đồn phục vụ cho chiến lược mở mang và giữ gìn “hoàng triều cương thổ” (Nguyễn Văn Hầu, 2005 và Sơn Nam, 2014). Không chỉ mang đặc điểm của vùng đất có vị trí tiền đồn, nơi cộng cư của các dân tộc và lưu dân từ nhiều nguồn khác nhau, An Giang

còn là vùng đất có địa thế đặc biệt với núi non, rừng rậm hoang vu, hội tụ cùng dòng Cửu Long tạo thành thế “cao sơn thủy thâm”, núi quý đất thiêng (Nguyễn Hữu Hiệp, 2007). Vì vậy, đây là vùng đất mà xa xưa, các nhân vật hiền linh cứu đời chọn làm nơi xây dựng đạo tràng, truyền bá giáo pháp, thu nạp tín đồ.

Tính cách, tâm lý của cư dân bao gồm nhiều dân tộc cộng cư trên một vùng đất có hoàn cảnh lịch sử và vị trí địa lý đặc biệt; sự phát sinh, chi phối phức tạp của nhiều tôn giáo, tín ngưỡng trên cơ sở kết hợp, dung hòa giữa truyền thống tư tưởng bản địa

với các triết thuyết ngoại lai được vận dụng, tiếp biến trong bối cảnh mở mang vùng đất bán sơn địa đầy gian khó, nguy hiểm... đó là tiền đề quy định sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo như đình, chùa, miếu, am, dinh, phủ,... phân bố rộng khắp địa bàn tỉnh và thậm chí, tập trung với mật độ khá dày đặc ở một số vùng thị tứ hay nơi phát tích của các đạo phái. Đây chính là những nơi hiện vẫn còn bảo tồn một kho tàng di sản hoành phi, câu đối, văn bia, bài vị, liễn thờ, sách vở, ... viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm hết sức phong phú, rất cần được quan tâm khai thác các giá trị. Bài viết xác định mục đích tìm hiểu một trong những yếu tố góp phần làm nên giá trị của di sản này, đó là ý nghĩa giáo dục đạo đức, lối sống thể hiện qua nội dung của hoành phi, câu đối được sưu tầm tại các nhà cổ và các cơ sở thờ tự tại An Giang.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

– Phương pháp điền dã được sử dụng nhằm khảo sát thực địa, sưu tầm, tập hợp các văn bản hoành phi, câu đối ở các di tích bằng kỹ thuật chụp ảnh, quay video,... Việc khảo sát thực địa được tiến hành tại 298 di tích đình, chùa, miếu, lăng, am, phủ thờ, nhà cổ,... còn bảo tồn được nhiều văn bản Hán Nôm, thuộc 11 đơn vị hành chính của tỉnh An Giang gồm: thành phố Châu Đốc, thành phố Long Xuyên, thị xã Tân Châu, huyện Châu Thành, Châu Phú, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Tri Tôn, Tịnh Biên, Thoại Sơn.

– Phương pháp thống kê - phân loại được sử dụng nhằm phân loại các văn bản đã sưu tầm, khảo sát trên cơ sở các tiêu chí nhận dạng thể loại của văn bản. Qua thống kê, phân loại văn bản sưu tầm từ 298 di tích, đã tập hợp được tổng cộng 2.039 câu đối và 941 hoành phi.

– Phương pháp văn bản học được sử dụng nhằm phiên âm, dịch nghĩa, chú giải, xử lý so sánh, đối chiếu, tra từ nguyên,... để dịch nghĩa các văn bản hoành phi, câu đối bằng chữ Hán đã sưu tầm tại các di tích, trên cơ sở đó tiến hành phân tích sâu ý nghĩa, giá trị của các tư liệu Hán Nôm đã sưu tầm.

3 KHÁI QUÁT VỀ CHỨC NĂNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA HOÀNH PHI, CÂU ĐỐI TRONG CÁC DI TÍCH CỔ

Hoành phi và câu đối là những chỉ dấu phổ biến và có tính đặc trưng trong tổng thể kiến trúc của các di tích cổ in đậm dấu ấn của một thời kỳ văn hóa Hán học huy hoàng. Chúng có chức năng trang trí, làm tăng thêm vẻ đẹp thẩm mỹ cho các kiến trúc cổ. Quan trọng hơn, chúng là những văn bản đặc biệt, có thể giúp con người thực hiện được sự kết nối, giao tiếp mang tính chất tâm linh với thần thánh. Thông qua những thông điệp tâm linh này, cư dân thường thể hiện lòng biết ơn trời phật, các vị thần xử

sở, các bậc tôn sư có công mở mang đạo pháp, các vị danh tướng, danh thần, tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ, các đời tổ tiên,... đã có công bảo hộ, âm phù, mở mang đất đai, ổn định cuộc sống cho cư dân trong buổi đầu gian khó và, thông qua đó, gửi gắm ước nguyện giữ gìn, xây dựng quê hương, gia đình giàu đẹp, no ấm bền vững ngàn năm. Mặt khác, vì hoành phi, câu đối là một phần trong tổng thể không gian thần thiêng nên cũng được “thiêng hóa”, trở thành những châm ngôn chuẩn mực, những lời giáo huấn cô đọng, hàm súc, có khả năng tác động tâm linh sâu xa, sức thuyết phục mạnh mẽ và đặc biệt là có tầm phổ quát, truyền bá, lan tỏa rộng lớn đối với nhiều thế hệ. Vì vậy, qua nội dung hoành phi, câu đối, người xưa còn muốn lồng ghép triết lý đạo pháp, ca ngợi công đức, phẩm hạnh của thần phật, tiền nhân để nhờ tính chất thần thiêng của văn bản mà tác động, nêu cao tấm gương sáng, nhắc nhở, giáo dục thế hệ đời sau noi theo, không ngừng rèn đức luyện tài, tu thân tích đức, ngõ hầu tiếp nối giữ gìn, phát huy cơ nghiệp của cha ông. Nói cách khác, hoành phi, câu đối trong các di tích cổ vừa có giá trị về mặt kiến trúc, trang trí thẩm mỹ vừa có giá trị, ý nghĩa giáo dục đạo đức, lối sống, nhân cách cho con người. Hệ thống hoành phi, câu đối sưu tầm được ở các di tích cổ thuộc tỉnh An Giang không phải là một ngoại lệ.

4 Ý NGHĨA GIÁO DỤC ĐẠO LÝ “UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN” QUA HOÀNH PHI, CÂU ĐỐI Ở AN GIANG

Ý nghĩa đạo đức, lối sống của nhóm tác phẩm hoành phi, câu đối được sưu tầm ở An Giang trước hết thể hiện qua nội dung bày tỏ lòng biết ơn, khắc ghi đạo lý uống nước nhớ nguồn của các thế hệ được bảo trợ, âm phù bởi “*thánh đức*”, “*thần ân*”, hay được thụ nhận những thành quả từ công lao vất vả khai khẩn, gây dựng cơ đồ của các vị tổ tiên, các bậc tiền hiền, hậu hiền.

Xuất hiện rất phổ biến trong các bức hoành phi được treo trang trọng nơi đình chùa, nhà cổ,... ở An Giang là những cụm từ cô đọng, hàm súc như “*Mộc thần ân*” (Thấm gội ơn thần), “*Lại thần ân*” (nhờ ơn thần), “*Phổ thần ân*” (Ơn thần rộng khắp), “*Án tự hải*” (ơn như núi), “*Đức như sơn*” (Đức dường non), “*Tiền khẩn thổ phong*” (Tiền hiền khẩn đất tốt), “*Hậu khai cơ nghiệp*” (Hậu hiền xây cơ nghiệp) “*Truy niệm tiền ân*” (Ghi nhớ ơn người đi trước), “*Thuợng ân tị tổ*” (Trên ơn tiên tổ), “*Thận chung truy viễn*” (Thận trọng theo lễ, cung kính lo cúng tế)... hoặc sinh động, giàu hình ảnh hơn như: “*Án quang hạo đại*” (Ánh sáng ơn huệ lớn lao), “*Án chương kỳ dật*” (Ơn ấy người sáng lạ thường), “*Án huy vũ trụ*” (Ơn trời vũ trụ), “*Thần ân thiên tải*” (Ơn thần ngàn năm), “*Thánh đức vạn niên*” (Đức thánh vạn năm), *Mộc bản thủy nguyên* (Cây có cội

nước có nguồn) “*Âm hà tư nguyên*” (Uống nước nhớ nguồn), “*Quang tiền dụ hậu*” (Rạng đời trước, thịnh đời sau)...

Câu đối trong các di tích cổ cũng có công thức phổ biến, theo đó, những từ *ân đức, ân trạch, trước sau, cội nguồn (bản nguyên)*,... hoặc các thành ngữ nhắc đến tâm lòng biết ơn, kính ngưỡng của con cháu đối với tổ tiên như “*quang tiền dụ hậu*”, “*thận chung truy viễn*”,... được tách chữ, tổ chức vào thể đối xứng giữa hai vế tương đồng, nhằm nhấn mạnh ý nghĩa tuyên dương, ngợi ca, chẳng hạn như:

河清海晏普千秋仰賴聖恩深

雨順風調欽萬古咸蒙神澤廣

Hà thanh hải án phổ thiên thu ngưỡng lại thánh ân thâm

Vũ thuận phong điều khâm vạn cổ hàm mông thần trạch quảng

Sông trong bể lặng trải ngàn thu kính nhận lộc thánh sâu dày

Mưa thuận gió hòa tôn vạn thuở được nhờ ơn thần rộng lớn

(Đình Châu Phong- Tân Châu)

天寶益物前賢開基恩永保

地靈人傑 後賢創造德禎祥

Thiên bảo ích vật tiền hiền khai cơ ân vĩnh bảo

Địa linh nhân kiệt hậu hiền sáng tạo đức trinh tường

Của quý vật lợi, tiền hiền mở mang, ân mãi giữ

Địa linh nhân kiệt, hậu hiền sáng tạo, đức tốt lành

(Phủ thờ Họ Huỳnh- TP Long Xuyên)

橋木千枝歸一本

長江萬派是同源

Kiều mộc thiên chi quy nhất bản

Trường giang vạn phái thị đồng nguyên

Kiều mộc ngàn cành về một gốc

Sông dài vạn nhánh một nguồn trôi

(Đình Vĩnh Chánh- Thoại Sơn. Câu đối bàn thờ Cửu huyền thất tổ)

慎終每念生成德

追遠常懷鞠育恩

Thận chung mỗi niệm sinh thành đức

Truy viễn thường hoài cúc dục ân

Thận chung, luôn nhớ đức sinh thành

Truy viễn thường nghĩ ơn nuôi dưỡng

(Đình Tam Bửu Gia- Tri Tôn)

Chữ *Kiều* trong câu đối xuất phát từ chữ *Kiều tử*. Cây *Kiều* cao mà ngựa lên chỉ người cha. Cây *Từ* thấp mà cúi xuống, chỉ người con (Thiều Chửu, 2002). Thành ngữ *Thận chung truy viễn* lấy chữ trong thiên *Học nhi* (sách Luận ngữ của Khổng tử) có nghĩa là phải cẩn thận lúc cha mẹ mất và luôn nhớ đến tổ tiên xưa. (Ngữ văn Hán Nôm, phần Tứ thư, 2002). Các trường hợp phổ biến nêu trên cho thấy rõ một thực tế là hoành phi, câu đối trong các di tích cổ không chỉ có nội dung bày tỏ lòng biết ơn sâu nặng của mọi tầng lớp cư dân đối với thần thánh, tổ tiên đã hiển linh âm phù mà còn đóng vai trò những thông điệp chuyển tải ý nghĩa giáo huấn cho thế hệ sau phải biết sống theo đạo lý ân quả nhớ kẻ trồng cây, biết khắc ghi, truy niệm, tự hào về công tích của tiền nhân và có trách nhiệm giữ gìn, phát huy sự nghiệp mà cha ông đã dày công tạo dựng.

Đặc biệt, đất An Giang xưa là nơi phát tích của các đạo phái có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống vật chất, tinh thần của cư dân mà một trong số đó là đạo *Tứ ân hiếu nghĩa*, với quan niệm làm người phải ghi nhớ ân tổ tiên, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào, nhân loại. Từ nội dung của một số tác phẩm hoành phi, câu đối tiêu biểu nêu trên, dễ nhận thấy rằng người xưa đã có sự kết hợp khéo léo giữa đạo lý truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc với quan niệm thừa nhận sức mạnh âm phù huyền bí của thần thánh và những người đã khuất để xây dựng nền tảng cho một niềm tin tâm linh sâu sắc. Niềm tin này là chỗ dựa tinh thần hết sức cần thiết, một nhân tố có thể giúp củng cố ý chí, nghị lực kiên trì của các thế hệ cư dân trong buổi đầu mở đất và giữ đất đầy gian khó. Nó cũng cần được gửi gắm, trao truyền cho thế hệ sau thông qua nội dung hoành phi, câu đối, những văn bản vừa có sức thu hút nhờ vẻ đẹp hình thức đặc thù vừa có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với bất cứ ai bước vào không gian thờ tự trang trọng.

5 Ý NGHĨA GIÁO DỤC NHỮNG PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG TỐT ĐẸP CHO CƯ DÂN QUÁ HOÀNH PHI, CÂU ĐỐI Ở AN GIANG

Ý nghĩa giáo dục đạo đức, lối sống cũng thể hiện rõ qua các tác phẩm hoành phi, câu đối có nội dung đề cao những phẩm chất tốt đẹp, những chuẩn mực đạo đức được hình thành trong quá trình dựng xây cơ nghiệp, học tập tri thức, trau dồi nhân cách, học phật tu nhân, sống tứ ân, hành hiếu nghĩa.

Một trong những phẩm chất đạo đức được đặc biệt chú trọng, đề cao trong kho tàng câu đối hiện tồn ở tỉnh An Giang đó là lòng kính trọng tổ tiên, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, yêu thương, gắn bó, hòa thuận với anh em trong gia đình, họ tộc. Dưới đây là những trường hợp tiêu biểu, khá đặc sắc được chọn lọc từ một số lượng phong phú câu đối tại các di tích cổ ở An Giang thể hiện rõ nội dung đã nêu:

聖經義重奉先春露秋霜存惻怛

古典禮崇報本潤毛潢水表忠誠

Thánh kinh nghĩa trọng phụng tiên xuân lộ thu sương tồn trắc đát

Cổ điển lễ sùng báo bản gián mao hoàng thủy biểu trung thành

Nghĩa kinh sách trọng kính phụng tổ tiên, móc xuân sương thu luôn đau xót

Lễ cổ điển sùng báo đền gốc rễ, nước ao cỏ suối, tỏ trung thành

(Đình Vĩnh Thạnh Trung- Châu Phú)

敬所尊爰所親桂子蘭孫長繼美

光于前垂于後金枝玉葉永流芳

Kính sở tôn ái sở thân quế tử lan tôn trường kế mỹ

Quang vu tiền thủy vu hậu kim chi ngọc diệp vĩnh lưu phương Kính người trên yêu người thân con quế cháu lan kế thừa mãi đẹp

Rạng đời trước, truyền đời sau cành vàng lá ngọc vĩnh viễn lưu hương

(Đình Phú Hòa- Thoại Sơn)

Trong đạo tu thân, trước hết là phải giữ lòng hiếu thuận, sau nữa, phải theo lễ nghĩa đề hoàn thiện đức hạnh, học thi thư để trau dồi tri thức, tài năng:

教子詩書正業須知道德可傳家

爲人禮義存心自有聲名昭闕里

Giáo tử thi thư chính nghiệp tu tri đạo đức khả truyền gia

Vi nhân lễ nghĩa tồn tâm tự hữu thanh danh chiêu khuyết lý

Dạy con nghiệp chính thi thư nên biết đạo đức có thể truyền đời

Làm người, tâm phải giữ lễ nghĩa, tự có tiếng tăm ngời cửa khuyết

(Nhà cổ, hộ dân Trần Thanh Tuấn- An Phú)

培養心田是禮耕義種

恢宏第宅由子孝孫賢

Bồi dưỡng tâm điền thị lễ canh nghĩa chủng

Khôi hoành đệ trạch do tử hiếu tôn hiền

Ruộng vườn bồi đắp chính nhờ gieo trồng lễ nghĩa

Nhà cửa kinh dinh là do con cháu hiếu hiền

(Đình Mỹ Thới- Long Xuyên)

Phải học chữ “khoan thứ”, “ôn nhu”, “nhân hậu”, “cung kính” để bồi đắp cái gốc đạo đức:

德由恭敬恕己以恕人

道自溫柔愛人如愛己

Đức do cung kính thứ kỷ dĩ thứ nhân

Đạo tự ôn nhu ái nhân như ái kỷ

Đức do cung kính, khoan thứ cho mình và cho người

Đạo khởi từ ôn nhu, yêu thương người như yêu mình

(Tam Bửu tự, chợ Ba Chúc- Tri Tôn)

Phải chăm lo tích đức bằng cách làm điều thiện, lúc nào cũng tâm niệm “Vi thiện tối lạc” (Làm điều thiện là vui nhất), “Thiện duyên tích đức” (gieo mầm thiện để tích đức). Phải biết tránh điều ác vì trên đầu có thần minh soi sáng, hành thiện hành ác đều có quý thần chứng tri báo ứng công bằng:

勿笑勿言行善天不報我報

可憐可惜作惡天饒我不饒

Vật tiểu vật ngôn hành thiện, thiên bất báo ngã báo

Khả liên khả tích, tác ác, thiên nhiều ngã bất nhiều

Chớ cười chớ nói, làm điều thiện, trời không báo thì ta báo

Khả thương khả tiếc, làm điều xấu, trời dung nhưng ta không dung.

(Son thần miếu- Tri Tôn)

善報惡報遲報速報終須有報

天知地知爾知我知何謂無知

Thiện báo ác báo trì báo tốc báo chung tu hữu báo

Thiên tri địa tri nhĩ tri ngã tri hà vị vô tri

Thiện báo ác báo chậm báo nhanh báo, cuối cùng đều có báo ứng

Trời biết đất biết người biết ta biết, sao cho là chẳng ai hay

(Đình Bình Thạnh- Thọai Sơn)

善惡報施莫道竟無前世事

利名爭競順知總有下場時

Thiện ác báo thi mặc đạo cánh vô tiền thế sự

Lợi danh tranh cạnh thuận tri tổng hữu hạ trường thời

Báo ứng thiện ác chó nói cuối cùng là không trong thế sự

Cạnh tranh danh lợi, cho hay tất cả đều là có dưới trần đời

(Thất phủ miếu- Long Xuyên)

Phải biết siêng năng cần cù, lao động học tập, sống tiết kiệm giản dị, không xa hoa đua đòi mới mong giữ vững, phát huy sự nghiệp của gia đình:

耕讀兩途讀可榮身耕可富

儉勤二字勤能創業儉能盈

Canh độc lưỡng đồ, độc khả vinh thân, canh khả phú

Kiệm cần nhị tự, cần năng sáng nghiệp, kiệm năng doanh

Canh, độc hai đường, độc sách có thể vinh thân, cày ruộng có thể khá

Kiệm, cần hai chữ, cần cù có thể lập nghiệp, tiết kiệm có thể dư

(Nhà cổ, hộ dân Lê Văn Thiện- Long Xuyên)

Phải ứng xử bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, biết trải lòng chân thành giúp đỡ những kẻ lưu dân “tứ hải giai huynh đệ”; phải có tinh thần hiệp nghĩa của những bậc hảo hớn, giang hồ, sẵn sàng can thiệp những chuyện trái tai gai mắt, ra tay giúp đỡ kẻ yếu với phương châm “Kiến ngã bất vi vô **đồng** giả”:

富貧共樂飲盃義重茶

貴賤同迎恭菊情深酒

Phú bần cộng lạc ẩm bôi nghĩa trọng trà

Quý tiện đồng nghênh cung cúc tình thâm tửu

Giàu nghèo đều vui, uống chung trà nghĩa nặng,

Sang hèn cùng đón, kính nâng chén rượu tình sâu.

(Đình Hòa Bình Thạnh- Châu Thành)

Đặc biệt, trong đạo tu thân, một phẩm chất rất được đề cao đó là tinh thần trọng nghĩa khí, coi khinh tiền tài, danh lợi, sống trung nghĩa, bộc trực, thẳng thắn, phóng khoáng, rộng rãi. Người Nam Bộ đặc biệt ngưỡng vọng, tôn thờ Quan Công mà bằng chứng là rất nhiều nơi ở Nam Bộ có miếu thờ Quan Đế, Quan Thánh đế quân (Theo Trương Ngọc Tường trong *Đặc khảo văn hóa người Hoa ở Nam bộ*, 2012). An Giang không phải là một ngoại lệ. Ở đây, Quan Công còn được phối thờ trong các đình Thành Hoàng, các di tích “trước đình sau chùa” và cả trong nhà dân. Từ sử sách bước vào tâm thức của người Nam Bộ, Quan Vân Trường là hiện thân của một người anh hùng đờm lược, đầy trung can, nghĩa khí, trọng tình huynh đệ, xem nhẹ công danh, tiền tài, tấm lòng trung trinh soi thấu nhật nguyệt, đức lớn quán suốt cả trời xanh:

忠義仰神威丹心貫日

春秋尊正統峻德參天

Trung nghĩa ngưỡng thần uy đan tâm quán nhật

Xuân thu tôn chính thống tuấn đức tham thiên

Trung nghĩa vọng uy thần, lòng son trù nhật nguyệt

Xuân thu tôn chính pháp, đức lớn trải trời xanh

(Quan Thánh miếu- Châu Phú)

志在春秋功在漢

忠同日月義同天

Chí tại Xuân Thu, công tại Hán

Trung đồng nhật nguyệt nghĩa đồng thiên

Lập chí ở kinh Xuân Thu, lập công cho nhà Hán

Lòng trung sáng cùng nhật nguyệt, nghĩa cả sánh cùng trời

(Đình Mỹ Chánh- Xã Mỹ Hiệp- Chợ Mới)

Thậm chí, một người thiếu cái tâm trung hiếu, sống không tình nghĩa thì phải biết thẹn và sợ mà tránh vào miếu Quan Công đánh lễ thấp hương:

有半點忠孝心腸方可登堂頂禮

無一分兄弟情義何容入廟燒香

Hữu bán điểm trung hiếu tâm trường phương khả đăng đường đánh lễ

Vô nhất phần huynh đệ tình nghĩa hà dung nhập miếu thiêu hương

Có nửa điểm gan ruột trung hiếu mới được đăng đường đánh lễ

Không một phần tình nghĩa huynh đệ sao cho vào miếu thấp hương

(Quan Đế miếu- Long Xuyên)

6 KẾT LUẬN

Truyền thống tư tưởng người Việt luôn đề cao lối sống trọng nghĩa, trọng tình, bản thân luôn có ý thức tu dưỡng nhân cách; trong gia đình thì hiếu thảo với ông bà cha mẹ, hòa thuận với anh em, thân tộc; ngoài xã hội thì ở hiền gặp lành, sống nhân hậu, yêu thương, gắn bó với làng nước, đồng bào. Trên bước đường Nam tiến, truyền thống đó được các thế hệ lưu dân vận dụng kết hợp hài hòa với tư tưởng Tam giáo để trở thành triết lý tu nhân, tích đức, rất phù hợp với thực tiễn công cuộc khai hoang lập ấp. Đặc biệt, trong bối cảnh của vùng đất bán sơn địa, biên cương xa xôi, buổi đầu phải gánh chịu nhiều rủi ro, chiến tranh, cướp bóc, dịch bệnh hoành hành,.. những thế hệ lưu dân có công khai phá đất An Giang càng nhận thức rõ sự cần thiết phải phát huy sức mạnh gắn kết của mỗi cá nhân với gia đình, với cộng đồng bằng lối sống trọng tình nghĩa, đạo lý. Chính nhờ dựa trên nền tảng đó mà triết lý học phật tu nhân, sống từ ân hành hiếu nghĩa của các đạo phái mới được các thế hệ cư dân nơi đây đón nhận rộng rãi. Và hẳn nhiên, khi xây dựng từ đường, các cơ sở thờ tự để thực hành các chức năng nghi lễ, tâm linh, cư dân nơi đây cũng hoàn toàn có ý thức trong việc

chuyển tải những thông điệp có ý nghĩa giáo dục đó vào các tác phẩm hoành phi câu đối, nhằm thông qua chúng, có thể gửi gắm những bài học đạo đức, lối sống quý giá cho các thế hệ sau. Thực tế này càng cho thấy rõ rằng hoành phi, câu đối nói riêng và di sản Hán Nôm hiện tồn ở các di tích cổ thuộc tỉnh An Giang nói chung thực sự là một kho tàng quý báu cần được tiếp tục quan tâm khai thác và khẳng định giá trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thiều Chừ, 2002. Hán Việt tự điển. NXB TP Hồ Chí Minh. TP Hồ Chí Minh, 809 trang.
- Nguyễn Văn Hậu, 2006. Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang. NXB Trẻ. TP Hồ Chí Minh, 376 trang.
- Nguyễn Hữu Hiệp, 2007. An Giang, đôi nét văn hóa đặc trưng vùng đất bán sơn địa. NXB Phương Đông. An Giang, 395 trang.
- Sơn Nam, 2014. Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang. NXB Trẻ. TP Hồ Chí Minh, 381 trang.
- Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2002. Ngữ văn Hán Nôm, tập 1 (Phần Tứ thư). NXB Khoa học xã hội. Hà Nội, 822 trang.
- Viện Văn hóa- nghệ thuật Việt Nam, Phân viện Văn hóa- nghệ thuật Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, 2012. Đặc khảo văn hóa người Hoa ở Nam bộ. NXB Văn hóa dân tộc. Hà Nội, 512 trang.